

Số: 1608 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho Bộ Giao thông vận tải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 9381/TTr-BKHĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tăng 911.046 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 (bao gồm 223.144 triệu đồng vốn trong nước và 687.902 triệu đồng vốn nước ngoài) cho Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông (phần thực hiện dự án) của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025

1. Bộ Giao thông vận tải căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, danh mục và mức vốn ngân sách trung ương được điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này:

a) Thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn

ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công, chi tiết danh mục dự án và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho dự án theo quy định.

b) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

1. Báo cáo việc thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm 2023.

2. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương được giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

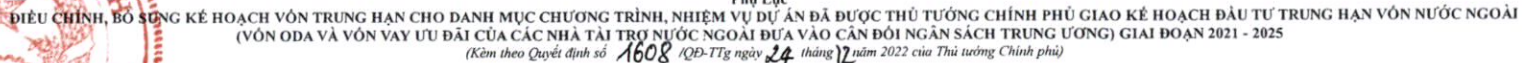
- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các Bộ: KHĐT, TC, GTVT;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, CN, QHQT, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 13

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



[Handwritten signature]

Lê Minh Khái



ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú									
							TMDT								Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:													
							Trong đó: vốn NSTW																						Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW																								
Tổng số	Trong đó		Tỉnh bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW																										
															NSTW	NSDP	Đưa vào	Vay lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW														
Tổng số	18.001.597	3.435.494	3.435.494		14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																					
Bộ Giao thông vận tải	18.001.597	3.435.494	3.435.494		14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																					
Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước	18.001.597	3.435.494	3.435.494		14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																					
a Giao thông	18.001.597	3.435.494	3.435.494		14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																					
Dự án quan trọng quốc gia	18.001.597	3.435.494	3.435.494		14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																					
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	18.001.597	3.435.494	3.435.494		14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																					
Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	18.001.597	3.435.494	3.435.494		14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																					
(1) Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông (Phân thực hiện dự án)	1939	CN	22/10/2008	929/QĐ-BGTVT 18/7/2022 1511/QĐ-BGTVT 25/5/2017	18.001.597	3.435.494	3.435.494	669,62 triệu USD	14.566.103	12.404.755	2.161.348	1.404.141	333.000		1.071.141			223.144	687.902		2.315.187	556.144	1.759.043																	